

QUY TẮC ỨNG XỬ
trong trường THCS Trần Văn Đang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TVĐ ngày 15/09/2021
của Hiệu trưởng trường THCS Trần Văn Đang)

Chương I
QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy tắc này quy định quy tắc ứng xử trong trường THCS Trần Văn Đang.
- Quy tắc này áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học (học sinh), cha mẹ người học (cha mẹ học sinh) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy tắc ứng xử

- Cách ứng xử của các thành viên trong nhà trường theo chuẩn mực đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phù hợp với đặc trưng văn hóa của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường.
- Xây dựng văn hóa học đường; đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng Quy tắc ứng xử trong nhà trường

- Tuân thủ các quy định của pháp luật; phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc.
- Thể hiện được giá trị cốt lõi: Nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, trung thực trong mối quan hệ của mỗi thành viên trong nhà trường đối với người khác, đối với môi trường xung quanh và đối với chính mình.
- Bảo đảm định hướng giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, phát triển phẩm chất, năng lực của người học; nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị.
- Dễ hiểu, dễ thực hiện; phù hợp với lứa tuổi, cấp học và đặc trưng văn hóa của thành phố Hồ Chí Minh.
- Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung Quy tắc ứng xử phải được thảo luận dân chủ, khách quan, công khai và được sự đồng thuận của đa số các thành viên trong nhà trường.

Chương II
NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 4. Quy tắc ứng xử chung

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của công chức, viên chức, nhà giáo, người lao động và học sinh.
- Thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực, quan tâm chia sẻ và giúp đỡ người khác.

3. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh, sạch, đẹp.

4. Cán bộ quản lý, giáo viên phải sử dụng trang phục lịch sự, phù hợp với môi trường và hoạt động giáo dục; nhân viên phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục và tính chất công việc; học sinh phải sử dụng đồng phục học sinh sạch sẽ, gọn gàng phù hợp với lứa tuổi và hoạt động giáo dục; cha mẹ học sinh và khách đến trường phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục.

5. Không sử dụng trang phục gây phản cảm.

6. Không hút thuốc, sử dụng đồ uống có cồn, chất cấm trong nhà trường theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội.

7. Không sử dụng mạng xã hội để phát tán, tuyên truyền, bình luận những thông tin hoặc hình ảnh trái thuần phong mỹ tục, trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc làm xấu đến môi trường giáo dục.

8. Không gian lận, dối trá, vu khống, gây hiềm khích, quấy rối, ép buộc, đe dọa, bạo lực với người khác.

9. Không làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, người khác và uy tín của tập thể.

Điều 5. Ứng xử của Hiệu trưởng

1. Ứng xử với học sinh

Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu; yêu thương, trách nhiệm, bao dung, tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe và động viên, khích lệ người học. Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

2. Ứng xử với giáo viên, nhân viên

Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, khích lệ, động viên; nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành trong công việc; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên; đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch. Không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

3. Ứng xử với cha mẹ học sinh

Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác, chia sẻ, thân thiện. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà, vụ lợi.

4. Ứng xử với khách đến nhà trường

Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, lịch sự, đúng mực. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 6. Ứng xử của giáo viên

1. Ứng xử với học sinh

Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu, khen hoặc phê bình phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh; mẫu mực, bao dung, trách nhiệm, yêu thương; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, tư vấn, lắng nghe và động viên, khích lệ người học; tích cực phòng, chống bạo lực học đường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Không xúc phạm, gây tổn thương, vụ lợi; không trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của học sinh.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý

Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện rõ chính kiến; phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

3. Ứng xử với đồng nghiệp và nhân viên

Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, thân thiện, cầu thị, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng sự khác biệt; bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm của đồng nghiệp, nhân viên. Không xúc phạm, vô cảm, gây mất đoàn kết.

4. Ứng xử với cha mẹ học sinh

Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, thân thiện, hợp tác, chia sẻ. Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi.

5. Ứng xử với khách đến nhà trường

Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 7. Ứng xử của nhân viên

1. Ứng xử với học sinh

Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung, giúp đỡ. Không gây khó khăn, phiền hà, xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên

Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, hợp tác; chấp hành các nhiệm vụ được giao. Không né tránh trách nhiệm, xúc phạm, gây mất đoàn kết, vụ lợi.

3. Ứng xử với đồng nghiệp

Ngôn ngữ đúng mực, hợp tác, thân thiện. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết, né tránh trách nhiệm.

4. Ứng xử với cha mẹ học sinh và khách đến nhà trường

Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 8. Ứng xử của học sinh

1. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Kính trọng, lễ phép, trung thực, chia sẻ, chấp hành các yêu cầu theo quy định. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.

2. Ứng xử với bạn bè

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, trung thực, hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng sự khác biệt. Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết; không bịa đặt, lời kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bạn bè.

3. Ứng xử với cha mẹ, người thân: Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương.

4. Ứng xử với khách đến nhà trường: Tôn trọng, lễ phép.

Điều 9. Ứng xử của cha mẹ học sinh

1. Ứng xử với học sinh

Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, chia sẻ, khích lệ, thân thiện, yêu thương. Không xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Điều 10. Ứng xử của khách đến nhà trường

1. Ứng xử với học sinh

Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, thân thiện. Không xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Đúng mực, tôn trọng. Không bịa đặt thông tin. Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể, các Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn Phòng, viên chức và người lao động tại đơn vị

1. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị

a) Hiệu trưởng lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về Quy tắc ứng xử này.

b) Công khai Quy tắc ứng xử trong nhà trường trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại bảng tin của nhà trường. Tổ chức triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc này; đưa tiêu chí thực hiện Quy tắc này vào hoạt động đánh giá, xếp loại thi đua hàng quý, cuối năm học.

c) Vận động, giám sát và nhắc nhở cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh thực hiện đúng quy định tại Quy tắc này; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với các cá nhân, tập thể trong triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Quy tắc ứng xử với Phòng Giáo dục và Đào tạo theo định kỳ mỗi năm học.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể, các Tổ trưởng chuyên môn, tổ Văn phòng

a) Các Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm phổ biến Quy tắc này đến toàn thể giáo viên, nhân viên trong tổ; chủ động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy tắc ứng xử của các thành viên trong tổ; chịu trách nhiệm trước người đứng đầu đơn vị nếu để xảy ra những vi phạm quy chế trong đơn vị.

b) Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị phối hợp chặt chẽ với các Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn phòng, với thủ trưởng đơn vị trong việc tuyên truyền, vận động, đôn đốc, kiểm tra đoàn viên chấp hành tốt Quy tắc này.

3. Trách nhiệm của giáo viên, viên chức và học sinh

a) Thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này.

b) Vận động, giám sát và nhắc nhở đồng nghiệp, học sinh thực hiện đúng quy định tại Quy tắc này.

c) Giám sát hành vi ứng xử, giao tiếp trong giải quyết công việc của người đứng đầu đơn vị.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy tắc này, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt thành tích xuất sắc sẽ được các tập thể tổ, tổ chức đoàn thể đề nghị xét, khen thưởng. Việc đánh giá kết quả việc thực hiện Quy tắc này được đưa vào tiêu chí xét thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy tắc sẽ được bình chọn cuối mỗi quý và cuối năm học.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nào vi phạm Quy tắc phải được nhắc nhở, phê bình kịp thời. Nếu cố ý vi phạm hoặc tái phạm thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ để kiểm điểm, chịu hình thức kỷ luật theo Luật Công chức, Luật Viên chức và các quy định về đánh giá, phân loại học sinh theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT Trong trường hợp do không chấp hành Quy tắc dẫn đến gây thiệt hại về vật chất và các thiệt hại khác thì phải bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề khác chưa được quy định trong Quy tắc này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc do người đứng đầu đơn vị xem xét, quyết định theo các quy định hiện hành. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề mới nảy sinh hoặc không còn phù hợp thì Quy tắc này sẽ được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở thống nhất giữa người đứng đầu đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn nhà trường.

2. Quy tắc này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và được phổ biến đến toàn thể viên chức và người lao động, cha mẹ học sinh, học sinh và khách đến liên hệ công tác tại trường THCS Trần Văn Đương./.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Tấn Phước